

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 10/4/2023

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Nông Thị N và anh Hoàng Văn K ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nông Thị N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Thôm Tấu, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Bản Ban, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Nông Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Hoàng Văn K có quan hệ hôn nhân hợp hợp, cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H ngày 02/7/2019. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn Bản Ban, xã P, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do những việc phát sinh trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, hay cãi vã và không còn

tình cảm với nhau. Từ tháng 02/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể quay về chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

Về con chung: Chị Nông Thị N xác định chị và anh Hoàng Văn K có 01 con chung, cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở cùng chị và bố mẹ đẻ chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Ngọc H, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung và cũng không ngăn cản việc anh K thăm nom con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Nông Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã gửi văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Văn K không đến Toà án để làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh K. Kết quả xác minh thể hiện, anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Bản Ban, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, việc anh K không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức chủ quan của anh K là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Bà Châu Thị P, mẹ đẻ của anh Hoàng Văn K cung cấp thông tin xác nhận hiện anh K đang đi làm ăn ở địa phương khác, anh K có biết việc chị Nông Thị N xin ly hôn nhưng do công việc không về để đến Toà án làm việc được. Chị N và anh K là vợ chồng kết hôn hợp pháp năm 2019, sau khi kết hôn vợ chồng Chị N anh K chung sống cùng gia đình bà tại thôn Bản Ban, xã P, huyện H. Từ cuối năm 2019 vợ chồng Chị N anh K phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 02/2022 thì chính thức sống ly thân; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do phát sinh việc không thống nhất quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Đồng thời, bà Phủ xác nhận các thông tin về con chung và tài sản chung, vay nợ chung đúng với ý kiến Chị N đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh đối với ông Đặng Văn M, công an viên thôn Bản Ban, xã P, huyện H, thể hiện: Anh Hoàng Văn K là công dân cư trú ở thôn, ông M cũng xác nhận các nội dung về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung, vay nợ chung của anh K và Chị N đúng như thông tin mà bà Châu Thị P và chị Nông Thị N đã cung cấp cho Toà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình

giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn K; về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N chưa yêu cầu và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của Chị N và kết quả xác minh đều thể hiện là không có, Chị N không đề nghị giải quyết về những nội dung này nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Văn K không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Nông Thị N, cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Hoàng Văn K tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 02 tháng 7 năm 2019. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, khi vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải. Tuy nhiên, vợ chồng không còn tình cảm, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được; từ tháng 02/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh K không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N, xử cho Chị N được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

[2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của chị Nông Thị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, đủ cơ sở xác định, Chị N và anh Hoàng Văn K có 01 con chung, cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017; từ khi anh K Chị N sống ly thân cháu Hân do Chị N nuôi dưỡng; đảm bảo điều kiện sống và được đi học. Nên đủ cơ sở chấp nhận đề nghị của Chị N, giao cháu Hoàng Ngọc H cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N chưa yêu cầu; các đương sự có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nông Thị N xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn K vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị N và anh K, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Bản Ban, xã P, huyện H. Các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

Tại phiên tòa chị Nông Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa của Chị N không trái với các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Hoàng Văn K không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 02 tháng 7 năm 2019 cho chị Nông Thị N và anh Hoàng Văn K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N chưa yêu cầu; anh K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nông Thị N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0005807 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Hoàng Văn K không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã P, h.Hàm Yên, t.Tuyên Quang (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn Thiết

Lương Thanh Huyền

